

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 16/2026/HNGĐ-ST
Ngày 27-01-2026
V/v Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Công Lợi

Ông Dương Hữu Tường

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Danh Dũng- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thu Hiền- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026, tại Hội trường xét xử số 2, Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 170/2025/TLST-HNGĐ, ngày 23/10/2025 về việc “Ly hôn, nuôi con chung”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 07/01/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G; sinh ngày 12/3/1992; Căn cước số 042192003806; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đông Thịnh, xã Hồng Lộc, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn H, sinh ngày 18/6/1990; căn cước số 042090009527; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn Đông Thịnh, xã Hồng Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do tại Nhật Bản (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Đơn khởi kiện đề ngày 22/10/2025, bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị G cũng như các tài liệu thu thập trong quá trình giải quyết, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn H đăng ký kết hôn vào ngày 02/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lộc, huyện Lộc Hà (nay là xã Hồng Lộc),

tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thiếu sự tin tưởng nhau. Từ năm 2018 anh H đi lao động tại nước ngoài, tình cảm vợ chồng càng phai nhạt, mâu thuẫn càng trầm trọng. Nhận thấy tình cảm không còn, không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh xét xử cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung: Bùi Nguyễn Phương A, sinh ngày 20/11/2013; Bùi Minh T, sinh ngày 12/10/2016 và Bùi Minh N, sinh ngày 03/9/2018. Chị yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các con chung đều có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh đã hai lần thông qua người nhà anh Bùi Văn H là ông Bùi Văn T yêu cầu cung cấp địa chỉ của anh H tại nước ngoài để Tòa án thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng nhưng ông từ chối cung cấp địa chỉ; chỉ cung cấp các thông tin sau: Anh Bùi Văn H là con trai thứ 3 trong gia đình ông, hiện đang lao động tự do tại Nhật Bản, **không có địa chỉ cụ thể**, vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình qua điện thoại, ông đã thông báo cho anh H biết các văn bản Tòa án giao gửi. Anh H có nêu quan điểm anh chưa biết lúc nào về được Việt Nam và không đồng ý ly hôn với chị G. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng G - H theo ông là do vợ chồng ghen tuông lẫn nhau, đồng thời ông xác nhận con chung của chị G - anh H là Bùi Nguyễn Phương A; Bùi Minh T và Bùi Minh N đều đang do chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung của anh H, chị G có một ngôi nhà, tuy nhiên anh H chưa có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ việc, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Về điều luật áp dụng: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 3 Điều 2, khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 và mục A danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 10 Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn

áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Về đường lối giải quyết: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị G, xử cho chị G được ly hôn với anh H. Về con chung: Đề nghị giao các con chung cho chị Nguyễn Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Bùi Văn H không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền đi lại thăm non con chung không ai được ngăn cản. Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Bùi Văn H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh tại xã Hồng Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang lao động tự do tại nước ngoài (đã xuất cảnh vào ngày 17/10/2018 qua Cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài hiện chưa có thông tin nhập cảnh). Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh giải quyết việc ly hôn, nuôi con. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình để xác minh địa chỉ, quan điểm đối với bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài và đã thông báo về thời gian tố tụng cho bị đơn anh Bùi Văn H thông qua người thân và thông báo trên kênh VOV World của Đài tiếng nói Việt Nam.

[1.3] Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nhưng đây là phiên tòa mở lần thứ hai bị đơn vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn H và chị Nguyễn Thị G tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đã được ủy ban nhân dân xã Hồng Lộc tỉnh Hà Tĩnh đăng ký kết hôn vào ngày 02/12/2011. Căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của anh H và chị G là hợp pháp.

Xác định tình trạng hôn nhân của anh H - chị G thấy rằng: Theo trình bày của chị G thì sau khi kết hôn được một thời gian, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm, không mong muốn duy trì quan hệ hôn nhân nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H. Anh Bùi Văn H mặc dù qua người thân thể hiện quan điểm không đồng ý ly hôn, tuy nhiên anh không có bất kỳ động thái nào để hàn gắn tình cảm cũng như thể hiện mong muốn đoàn tụ mà anh lại không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của chị G, để kết quả xảy ra như thế nào cũng được. Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc nhưng cuộc hôn nhân của anh H và chị G hiện không còn đạt được mục đích đó. Chị G kiên quyết yêu cầu ly **hôn. Căn cứ** quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Bùi Văn H.

[2.2] Quan hệ con chung: Các con chung đang được chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Để không làm đảo lộn cuộc sống, môi trường học tập của các cháu cũng như việc anh H không có mặt tại Việt Nam để thực hiện quyền trực tiếp nuôi con của mình nên cần chấp nhận yêu cầu của chị G giao các con chung cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu sau này anh H có yêu cầu thay đổi về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác. Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Người trực tiếp nuôi con khi ly hôn không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, bị đơn không có ý kiến, HĐXX không xem xét.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 2; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 10 Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 và mục A danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Bùi Văn H.

2. Về con chung: Giao các con chung Bùi Nguyễn Phương A, sinh ngày 20/11/2013; Bùi Minh T, sinh ngày 12/10/2016 và Bùi Minh N, sinh ngày 03/9/2018 cho chị Nguyễn Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Bùi Văn H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm (chị đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0000358 ngày 23/10/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực I- Hà Tĩnh (2 bản);
- Phòng THADS khu vực I- Hà Tĩnh;
- UBND xã Hồng Lộc, tỉnh Hà Tĩnh;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Hạnh

